



CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH ĐẠI HỌC – DẠY NGHỀ
Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 28



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11/06/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0101517669 ngày 28/07/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 27/06/2018.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 21,73% vốn điều lệ.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2021: 10.000.000.000 đồng.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HEV. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 11/12/2007.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 25 Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 24.38256547 - 39717189
- Fax: (84) 24.39717189
- Website: <http://www.hevobco.com.vn>
- Email: info@hevobco.com.vn - admin.hevobooks.com

Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sao chép bản ghi các loại;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan. (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 25 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Phạm Quỳnh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 02/07/2020
• Ông Phạm Gia Trí	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 30/01/2018
• Ông Lê Quang Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 30/01/2018
• Ông Trần Trọng Tiến	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 30/01/2018
• Ông Đặng Văn Tuyển	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 30/01/2018

Ban kiểm soát

• Ông Trần Công Thanh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24/05/2019
• Bà Nguyễn Thị Thu Vân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 30/01/2018
• Ông Trần Đình Hoàng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24/05/2019

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Phạm Gia Trí	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/01/2018
• Ông Trần Trọng Tiến	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 31/01/2018
• Bà Trần Thị Phương Lan	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 03/05/2021
• Ông Lê Quang Dũng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 31/01/2018

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Phạm Gia Trí

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2021





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 850/2021/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ lập ngày 11/08/2021 của Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2021 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.502.743.543	22.326.082.791
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.188.727.559	6.532.910.988
1. Tiền	111	5	3.188.727.559	6.532.910.988
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	5.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.279.247.840	4.919.201.687
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	17.394.746.054	5.030.070.190
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	65.000.000	83.864.900
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	124.278.167	109.480.478
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(304.776.381)	(304.213.881)
IV. Hàng tồn kho	140	10	9.030.499.004	5.776.172.048
1. Hàng tồn kho	141		10.029.216.635	6.835.480.185
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(998.717.631)	(1.059.308.137)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.269.140	97.798.068
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	4.269.140	68.240.000
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	29.558.068
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.350.860.073	266.693.940
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	65.072.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		-	65.072.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.159.183.133	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.159.183.133	-
- Nguyên giá	222		1.315.932.400	106.350.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(156.749.267)	(106.350.000)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		191.676.940	201.621.940
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	191.676.940	201.621.940
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		30.853.603.616	22.592.776.731

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		14.823.255.253	6.789.684.050
I. Nợ ngắn hạn	310		14.823.255.253	6.789.684.050
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	11.623.878.519	5.633.207.781
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	36.328.580	86.482.180
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	669.963.687	98.705.401
4. Phải trả người lao động	314		1.823.895.221	455.422.202
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	242.500.000	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	51.799.135	46.226.375
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		374.890.111	469.640.111
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		16.030.348.363	15.803.092.681
I. Vốn chủ sở hữu	410		16.030.348.363	15.803.092.681
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	18	10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	18	1.890.000.000	1.890.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	18	962.203.411	962.203.411
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	3.178.144.952	2.950.889.270
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.650.889.270	1.481.590.543
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.527.255.682	1.469.298.727
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		30.853.603.616	22.592.776.731



Phạm Gia Trí

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2021

Kế toán trưởng


Lê Quang Dũng

Người lập biểu


Lê Quang Dũng

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021 VND	6 tháng đầu năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	28.640.167.419	17.242.475.767
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		28.640.167.419	17.242.475.767
4. Giá vốn hàng bán	11	21	21.271.743.385	12.055.581.964
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		7.368.424.034	5.186.893.803
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	74.327.311	93.669.857
7. Chi phí tài chính	22		-	(242.112.071)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	23.a	1.419.073.878	1.056.931.472
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23.b	4.080.028.415	3.176.690.152
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.943.649.052	1.289.054.107
11. Thu nhập khác	31	24	43.231.813	-
12. Chi phí khác	32	25	42.600.013	-
13. Lợi nhuận khác	40		631.800	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.944.280.852	1.289.054.107
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	417.025.170	279.286.221
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.527.255.682	1.009.767.886
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.527	1.010
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	1.527	1.010



Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2021

~~Lê Quang Dũng~~

Lê Quang Dũng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021 VND	6 tháng đầu năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		16.952.305.932	7.377.523.109
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(20.127.408.410)	(11.392.885.699)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.218.122.800)	(2.113.242.000)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	15	(20.000.000)	(123.488.986)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		57.215.477	147.255.838
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(629.713.060)	(426.145.436)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.985.722.861)	(6.530.983.174)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(1.209.582.400)	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		5.000.000.000	6.000.000.000
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		151.121.832	224.204.104
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.941.539.432	7.224.204.104
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	18	(1.300.000.000)	(1.300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.300.000.000)	(1.300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.344.183.429)	(606.779.070)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	6.532.910.988	2.127.372.907
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	3.188.727.559	1.520.593.837



Phạm Gia Tri

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2021

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

Người lập biểu

Lê Quang Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11/06/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0101517669 ngày 28/07/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 27/06/2018.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sao chép bản ghi các loại;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan. (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi).

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021 (Bắt đầu từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí công in, nhuận bút, phí quản lý xuất bản, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên chi phí công in.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Phí quản lý xuất bản, phí đấu thầu bản thảo trả trước cho các sách chưa in được phân bổ căn cứ vào số lượng sách in nhập kho;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.6 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.7 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Chi phí phải trả của Công ty là phí đấu thầu bản thảo của số lượng sách in vượt hợp đồng hoặc giá bìa sách in cao hơn hợp đồng thầu nhưng chưa có hóa đơn.

4.8 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.9 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.10 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm.

4.11 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.12 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.13 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản đầu tư tài chính và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Các loại sách cho đại học và dạy nghề là hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế. Từ điển các loại áp dụng mức thuế suất 5%. Đối với các loại sổ sách chuyên môn áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	30/06/2021	01/01/2021
Tiền mặt	214.584.044	165.546.345
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.974.143.515	6.367.364.643
Cộng	3.188.727.559	6.532.910.988

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2021	01/01/2021
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	2.170.465.000	3.135.000
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	2.290.325.440	-
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	5.730.954.353	-
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	2.561.976.860	372.263.350
Các đối tượng khác	4.641.024.401	4.654.671.840
Cộng	17.394.746.054	5.030.070.190

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2021	01/01/2021
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	2.170.465.000	3.135.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư	1.129.122.500	313.500.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư	2.290.325.440	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	5.730.954.353	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư	2.561.976.860	372.263.350
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	1.967.865.321	191.593.593
Cộng		15.850.709.474	880.491.943

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
Ông Đỗ Trọng Lực	50.000.000	50.000.000
Công ty TNHH Tư vấn VNI	15.000.000	15.000.000
Các đối tượng khác	-	18.864.900
Cộng	65.000.000	83.864.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	93.572.000	-	13.500.000	-
Hồ Thị Bính	30.706.167	-	-	-
Lãi dự thu	-	-	76.794.521	-
Các khoản khác	-	-	19.185.957	-
Cộng	124.278.167	-	109.480.478	-

9. Dự phòng phải thu khó đòi

a. Ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	304.776.381	304.213.881
- Từ 3 năm trở lên	271.189.481	271.189.481
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	23.024.400	23.024.400
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	10.000.000	10.000.000
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	562.500	-
Cộng	304.776.381	304.213.881

b. Nợ xấu

	30/06/2021			Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	
Phải thu khách hàng				
- Công ty CP Việt Thường - Nhà sách Cảo Thơm	50.234.301	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Sở Giáo dục Đào tạo Bắc Kạn	45.446.334	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Các đối tượng khác	230.275.846	21.180.100	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	325.956.481	21.180.100		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	01/01/2021			Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*) hạn	Thời gian quá hạn	
Phải thu khách hàng			-	
- Công ty CP Việt Thường - Nhà sách Cảo Thơm	50.234.301		Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Sở Giáo dục Đào tạo Bắc Kạn	45.446.334		- Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Các đối tượng khác	228.400.846	19.867.600	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	324.081.481	19.867.600		

(*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào nợ gốc trừ đi mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

10. Hàng tồn kho

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	232.588.859	-	114.120.207	-
Thành phẩm	8.611.804.045	(998.717.631)	6.670.537.585	(1.059.308.137)
Hàng hóa	1.184.823.731	-	50.822.393	-
Cộng	10.029.216.635	(998.717.631)	6.835.480.185	(1.059.308.137)

- Giá trị các loại sách chậm tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2021 là 3.012.955.195 đồng. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch tìm kiếm khách hàng, tăng tỷ lệ chiết khấu để tiêu thụ các loại sách này.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2021.

11. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
Phí quản lý xuất bản	4.269.140	68.240.000
Cộng	4.269.140	68.240.000

b. Dài hạn

	30/06/2021	01/01/2021
Phí đầu thầu bản thảo	76.583.500	86.528.500
Chi phí mua bản quyền ấn phẩm	115.093.440	115.093.440
Cộng	191.676.940	201.621.940

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	106.350.000	106.350.000
Mua sắm trong kỳ	1.209.582.400	1.209.582.400
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	1.315.932.400	1.315.932.400
Khấu hao		
Số đầu kỳ	106.350.000	106.350.000
Khấu hao trong kỳ	50.399.267	50.399.267
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	156.749.267	156.749.267
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	-	-
Số cuối kỳ	1.159.183.133	1.159.183.133

- Không có tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2021.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2021 là 106.350.000 đồng.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
Công ty CP Thương mại LIC Việt nam	2.540.225.000	-
Công ty CP In Phúc Yên	1.455.599.028	1.022.231.170
Nhà máy In Bộ Quốc Phòng	1.650.891.647	-
Công ty CP Dịch vụ Viễn thông và In Bưu điện	2.283.847.500	-
Các đối tượng khác	3.693.315.344	4.610.976.611
Cộng	11.623.878.519	5.633.207.781

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2021	01/01/2021
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	585.695.475	140.426.075
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	167.544.000	163.419.000
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	147.456.930	220.944.240
Cộng		900.696.405	524.789.315

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
Hiệu sách Hoàng Hương	36.153.680	77.944.680
Các đối tượng khác	174.900	8.537.500
Cộng	36.328.580	86.482.180

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	26.834.891	432.827.177	174.863.483	-	284.798.585
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.558.068	-	417.025.170	20.000.000	-	367.467.102
Thuế thu nhập cá nhân	-	71.870.510	92.953.920	147.126.430	-	17.698.000
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	29.558.068	98.705.401	945.806.267	344.989.913	-	669.963.687

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
Trích trước chi phí tem	225.000.000	-
Chi phí phải trả khác	17.500.000	-
Cộng	242.500.000	-

17. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2021	01/01/2021
Kinh phí công đoàn	51.799.135	46.226.375
Cộng	51.799.135	46.226.375

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2020	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	2.781.590.543	15.633.793.954
Tăng trong kỳ	-	-	-	1.969.298.727	1.969.298.727
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.800.000.000	1.800.000.000
Số dư tại 31/12/2020	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	2.950.889.270	15.803.092.681
Số dư tại 01/01/2021	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	2.950.889.270	15.803.092.681
Tăng trong kỳ	-	-	-	1.527.255.682	1.527.255.682
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.300.000.000	1.300.000.000
Số dư tại 30/06/2021	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	3.178.144.952	16.030.348.363

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	10.000.000.000	10.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	10.000.000.000	10.000.000.000
Cổ tức đã chia	1.300.000.000	1.300.000.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	2.950.889.270	2.781.590.543
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	1.527.255.682	1.009.767.886
Phân phối lợi nhuận	1.300.000.000	1.300.000.000
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước (chia cổ tức)	1.300.000.000	1.300.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này (trích quỹ KTPL)	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	3.178.144.952	2.491.358.429

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 19/05/2021 đã thông qua phương án chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 với tỷ lệ 13%/vốn điều lệ, tương ứng 1.300.000.000 đồng. Theo đó, công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong 6 tháng đầu năm 2021.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

	VND	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty TNHH Thương mại Văn hóa Nam Việt	565.679.294	Khách hàng đã phá sản

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Doanh thu sách các loại	19.038.304.089	14.875.480.791
Doanh thu khác	9.601.863.330	2.366.994.976
Cộng	28.640.167.419	17.242.475.767

21. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Giá vốn sách các loại	13.124.067.454	10.117.368.238
Giá vốn khác	8.208.266.437	1.957.869.007
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(60.590.506)	(19.655.281)
Cộng	21.271.743.385	12.055.581.964

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	74.327.311	93.669.857
Cộng	74.327.311	93.669.857

23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Chi phí nhân công	937.370.553	383.099.364
Chi phí bốc xếp, vận chuyển hàng tiêu thụ	188.116.775	145.376.154
Chi phí thuê kho, cửa hàng	217.800.000	300.466.666
Các khoản khác	75.786.550	227.989.288
Cộng	1.419.073.878	1.056.931.472

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Chi phí nhân công	2.997.836.586	2.093.476.175
Chi phí khấu hao TSCĐ	50.399.267	-
Chi phí thuê nhà	198.447.000	198.447.000
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	562.500	42.910.092
Các khoản khác	832.783.062	841.856.885
Cộng	4.080.028.415	3.176.690.152

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.944.280.852	1.289.054.107
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	140.845.000	107.377.000
- Điều chỉnh tăng	140.845.000	107.377.000
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	59.955.000	64.177.000
+ Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	80.890.000	43.200.000
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	2.085.125.852	1.396.431.107
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	417.025.170	279.286.221
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	417.025.170	279.286.221
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

25. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.527.255.682	1.009.767.886
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.527.255.682	1.009.767.886
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.000.000	1.000.000
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.527	1.010

26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	88.961.268	-
Chi phí nhân công	4.035.442.713	2.476.575.539
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.399.267	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.703.476.825	12.425.911.709
Chi phí khác bằng tiền	687.075.209	664.267.769
Cộng	27.565.355.282	15.566.755.017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp sản phẩm và dịch vụ mà Công ty đang kinh doanh. Do đó, Công ty trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Báo cáo bộ phận theo nhóm sản phẩm	Sách Đại học dạy nghề và xuất bản phẩm		Tem công nghệ 4.0		Hàng hóa khác		Tổng cộng	
	6 tháng 2021	6 tháng 2020	6 tháng 2021	6 tháng 2020	6 tháng 2021	6 tháng 2020	6 tháng 2021	6 tháng 2020
Doanh thu	18.369.108.086	14.241.514.291	8.712.075.000	2.279.620.000	1.558.984.333	721.341.476	28.640.167.419	17.242.475.767
Giá vốn hàng bán	12.577.058.443	9.628.659.497	7.487.900.080	1.882.188.000	1.206.784.862	544.734.467	21.271.743.385	12.055.581.964
Lợi nhuận gộp nhóm sản phẩm	5.792.049.643	4.612.854.794	1.224.174.920	397.432.000	352.199.471	176.607.009	7.368.424.034	5.186.893.803
Các khoản không phân bổ								
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-	1.419.073.878	1.056.931.472
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	4.080.028.415	3.176.690.152
Doanh thu tài chính	-	-	-	-	-	-	74.327.311	93.669.857
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	(242.112.071)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	1.943.649.052	1.289.054.107
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	43.231.813	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	42.600.013	-
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-	-	631.800	-
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-	-	1.944.280.852	1.289.054.107
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-	-	-	417.025.170	279.286.221
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-	-	-	-	-	-	1.527.255.682	1.009.767.886

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ và các khoản đi vay nên Công ty không chịu rủi ro về tỷ giá, lãi suất. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Chi phí in ấn chiếm phần lớn trong giá vốn hàng bán nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in để giảm chi phí.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau hơn nữa khách hàng của Công ty là các Công ty Sách lớn hoặc Bộ Giáo dục, các Trường Đại học. Đây là các khách hàng truyền thống, tình hình thanh toán kịp thời. Mặt khác, đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán Công ty cũng thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ và thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	11.623.878.519	-	11.623.878.519
Chi phí phải trả	242.500.000	-	242.500.000
Cộng	11.866.378.519	-	11.866.378.519
01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	5.633.207.781	-	5.633.207.781
Cộng	5.633.207.781	-	5.633.207.781

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.188.727.559	-	3.188.727.559
Phải thu khách hàng	17.089.969.673	-	17.089.969.673
Phải thu khác	124.278.167	-	124.278.167
Cộng	20.402.975.399	-	20.402.975.399
01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.532.910.988	-	6.532.910.988
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Phải thu khách hàng	4.725.856.309	-	4.725.856.309
Phải thu khác	109.480.478	65.072.000	174.552.478
Cộng	16.368.247.775	65.072.000	16.433.319.775

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Cần Thơ	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Cửu Long	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Phát hành sách Giáo dục	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Giao dịch	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Bán hàng			
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Bán sách xuất bản	7.430.954.353	6.221.348.287
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Bán sách xuất bản	2.890.325.440	2.019.220.880
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Bán sách xuất bản	3.061.976.860	2.108.476.520
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Bán sách xuất bản	1.488.660.620	1.112.204.640
Công ty CP Sách và TBGD Cửu Long	Bán sách xuất bản	1.183.372.480	638.631.840
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Bán tem Công nghệ 4.0	3.325.000.000	939.550.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Bán tem Công nghệ 4.0	1.090.600.000	303.620.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Bán tem Công nghệ 4.0	3.087.975.000	751.450.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP Cần Thơ	Bán tem Công nghệ 4.0	1.045.000.000	285.000.000
Mua hàng			
Công ty CP Phát hành sách Giáo dục	Mua sách các loại	354.569.500	420.262.500
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phí quản lý xuất bản	999.024.400	628.708.725
	Mua tem chống giả	94.380.000	72.600.000
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Mua sách các loại	71.442.000	79.380.000
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	Mua sách các loại	71.383.680	10.428.480

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ

	Chức danh	Nội dung	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Ông Phạm Quỳnh	Chủ tịch	Thù lao	22.500.000	-
Ông Phạm Gia Trí	Ủy viên	Thù lao	19.700.000	14.100.000
	Giám đốc	Lương, thưởng	288.535.400	249.791.000
Ông Trần Trọng Tiền	Ủy viên	Thù lao	19.700.000	14.100.000
	Phó Giám đốc	Lương, thưởng	129.912.700	117.170.000
Ông Lê Quang Dũng	Ủy viên	Thù lao	19.700.000	14.100.000
Ông Đặng Văn Tuyển	Ủy viên	Thù lao	19.700.000	15.800.000
Bà Trần Thị Phương lan	Phó Giám đốc	Lương, thưởng	23.579.900	-

30. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

31. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc 31/12/2020. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Phạm Gia Trí

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2021

Kế toán trưởng


Lê Quang Dũng

Người lập biểu


Lê Quang Dũng